

PHỤ LỤC 01: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ BSC

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
1	Điều 1.1.4 Giải thích thuật ngữ	1.1.4. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản	1.1.4. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác	Phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Luật doanh nghiệp sửa đổi năm 2025
2	Điều 1.1.6 Giải thích thuật ngữ	1.1.6. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024.	1.1.6. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời kỳ.	Đảm bảo việc cập nhật kịp thời các văn bản pháp luật khi có sự thay đổi
3	Điều 1.1.7 Giải thích thuật ngữ	1.1.7. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật	“Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật	Đảm bảo việc cập nhật kịp thời các văn bản pháp luật khi có sự thay đổi

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<i>Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022</i>	<i>Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời kỳ.</i>	
4	Điều 1.1.8 Giải thích thuật ngữ	Không có	<i>1.1.8. “Nghị định 155/2020/NĐ-CP” có nghĩa là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời kỳ</i>	Nhằm sử dụng thống nhất thuật ngữ trong các nội dung của Điều lệ
5	Điều 1.1.16 Giải thích thuật ngữ	Không có	<i>1.1.16. “Thông tư 121/2020/TT-BTC” có nghĩa là Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời kỳ</i>	Nhằm sử dụng thống nhất thuật ngữ trong các nội dung của Điều lệ
6	Điều 10.2 Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác	10.2. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty	10.2. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện hợp pháp của Công ty (bao gồm người đại diện theo pháp luật và người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền) và dấu của Công ty.	Nhằm đảm bảo việc triển khai phát hành các chứng chỉ chứng khoán (như trái phiếu) tại BSC

7	Điều 12.2 Thu hồi cổ phần	<p><i>12.2. Thu hồi cổ phần</i></p> <p><i>12.2.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</i></p> <p><i>12.2.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ: Thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</i></p> <p><i>12.2.3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</i></p> <p><i>12.2.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối</i></p>	Bỏ nội dung này	Điều 10 Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC quy định: quy định này chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp khi đăng ký thành lập
---	------------------------------	--	-----------------	---

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>12.2.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>12.2.6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>		
8	Điều 17.2 Đại hội	17.2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và	17.2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp.	Làm rõ các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ có thể được xem xét thông

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
	đồng cổ đông	lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên <i>quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán.</i> Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.	Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán thảo luận và thông qua các vấn đề quy định tại khoản 18.2.1, 18.2.2, 18.2.3, 18.2.4, 18.2.5, 18.2.6 và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.	qua và thảo luận tại ĐHĐCĐ thường niên
9	Điều 17.3.3 Đại hội đồng cổ đông	17.3.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.2 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, <i>trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và yêu cầu được lập thành nhiều bản và</i>	17.3.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.2 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ	Phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật doanh nghiệp sửa đổi năm 2025

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<i>tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan</i>	<i>liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</i>	
10	Điều 17.4.3 Đại hội đồng cổ đông	17.4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 17.4.2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 17.3.3 Điều này có quyền <i>yêu cầu</i> đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;	17.4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 17.4.2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 17.3.3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;	Thống nhất với quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2020

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
11	Điều 18.1.12. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	18.1.12. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;	18.1.12. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; <i>thông qua tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán/soát xét Báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính</i>	Phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư 121/2020/TT-BTC (và các văn bản sửa đổi, bổ sung)
12	Điều 18.2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	18.2. Đại hội đồng cổ đông <i>thảo luận</i> và thông qua các vấn đề sau: ... 18.2.18. Chấp thuận các giao dịch quy định tại <i>khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</i> ; ... 18.2.20. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này	18.2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận <i>quyết định</i> và thông qua các vấn đề sau: ... 18.2.18. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP Điều 59.3 Điều lệ này; ... 18.2.20. Các vấn đề khác <i>thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông</i> theo quy định của pháp luật và Điều lệ này	Nhằm tránh dẫn đến cách hiểu các quy định tại Điều 18.2 đều phải được thông qua thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, việc sửa đổi này cũng nhằm thống nhất với quy định tại Điều 25.1.1 Điều lệ Công ty (theo đó, theo quy định tại Điều 25.1.1 Điều lệ Công ty, HĐQT được quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ). Ngoài ra, sửa đổi Điều 18.2.18 nhằm đảm bảo thống nhất với quy định tại Điều 59.3 của Điều lệ.
13	Điều 25.1. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ	25.1. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:	25.1. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 25.1.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề	Nhằm làm rõ các nội dung Hội đồng quản trị được lấy ý kiến các cổ đông bằng văn bản.

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
	đồng bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25.1.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông <i>bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</i>	thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty quy định tại khoản 18.2 Điều 18 Điều lệ này.	
14	Điều 29.3. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	29.3. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	29.3. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty phải đảm bảo quy định sau: 29.3.1. Có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên; 29.3.2. Có tối thiểu hai (02) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên; 29.3.3. Có tối thiểu ba (03) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Phù hợp với quy định tại khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
15	Điều 30.2.22 Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT	30.2.22. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro theo quy định tại Điều 11 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và nhiệm vụ kiểm toán nội bộ theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 9 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế trong từng thời kỳ);	30.2.22. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro, theo quy định tại Điều 11 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và nhiệm vụ kiểm toán nội bộ theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 9 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế trong từng thời kỳ) và nhiệm vụ kiểm soát nội bộ theo quy định pháp luật.	Phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 121/2020/TT-BTC (và các văn bản sửa đổi, bổ sung)
16	Điều 30.2.23 Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT	Không có	30.2.23. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty;	Phù hợp với quy định tại khoản 81 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP
17	Điều 30.2.24 Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT	Không có	30.2.24. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;	Phù hợp với quy định tại khoản 81 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
18	Điều 32.1.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	32.1.3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa năm (05) công ty khác;	32.1.3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa năm (05) công ty khác chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;	Phù hợp với quy định tại khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP
19	Điều 32.1.6 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	Không có	32.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: 32.1.6. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật (nếu có)	Nhằm hạn chế các trường hợp pháp luật thay đổi và bổ sung các điều kiện mới đối với thành viên Hội đồng quản trị dẫn đến phải sửa đổi Điều lệ
20	Điều 32.2.6 Tiêu chuẩn và điều kiện thành thành viên Hội đồng quản trị	Không có	32.2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau: 32.2.6. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật (nếu có)	Nhằm hạn chế các trường hợp pháp luật thay đổi và bổ sung các điều kiện mới đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị dẫn đến phải sửa đổi Điều lệ

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
21	Điều 35.2 Biên bản họp HĐQT	35.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự <i>họp</i> ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm từ 35.1.1 đến 35.1.8 Điều này thì biên bản họp có hiệu lực.	35.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự <i>họp và đồng ý thông qua biên bản họp</i> ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm từ 35.1.1 đến 35.1.8 Điều này thì biên bản họp có hiệu lực. <i>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định pháp luật và Điều lệ này</i>	Phù hợp với khoản 6 Điều 7 Luật doanh nghiệp sửa đổi năm 2022
22	Điều 44.1.4 Tiêu chuẩn và điều kiện làm TGD, Phó TGD	Không có	<i>44.1.4. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</i>	Phù hợp với quy định tại khoản 83 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
23	Điều 69.1 Kiểm toán	69.1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị	69.1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán/ <i>soát xét</i> báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị	Nhằm phù hợp với triển khai trong hoạt động của BSC
24	Điều 74. Thanh lý	74.3.5. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điều Error! Reference source not found. đến 74.3.4 Điều lệ này sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi hoàn lại sẽ ưu tiên thanh toán trước.	74.3.5. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ, <i>chi phí quy định</i> từ Điều Error! Reference source not found. đến 74.3.4 Điều lệ này sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi hoàn lại sẽ ưu tiên thanh toán trước.	Phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 208 Luật doanh nghiệp năm 2020
25	Chương 13 Giải quyết tranh chấp nội bộ	Không có	<i>Điều 76. Giải quyết tranh chấp nội bộ</i> <i>76.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc thỏa thuận giữa:</i> <i>76.1.1. Cổ đông với Công ty;</i> <i>76.1.2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;</i> <i>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó</i>	Nhằm đảm bảo việc triển khai trong quá trình giải quyết tranh chấp nội bộ tại BSC

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<p>thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>76.2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.</p> <p>76.3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>	
26	Điều 77. Bổ sung và sửa đổi điều lệ	77.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định, <i>trừ trường hợp tự động cập nhật theo các điều khoản chi tiết khác tại Điều lệ này.</i>	77.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. trừ trường hợp tự động cập nhật theo các điều khoản chi tiết khác tại Điều lệ này.	Phù hợp với quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
27	Điều 78.4 Ngày hiệu lực	78.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu (1/2) một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.	78.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu (1/2) một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị khi được sao y, trích lục theo quy định về công tác văn thư của Công ty.	Nhằm tạo thuận lợi cho việc trích sao Điều lệ Công ty phù hợp theo quy định nội bộ của BSC.

PHỤ LỤC 02: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
1	Điều 3.3.3 Đại hội đồng cổ đông	3.3.3 Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, <i>trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</i>	3.3.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Tương ứng với nội dung sửa tại Điều lệ Công ty

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
2	Điều 3.4.3 Đại hội đồng cổ đông	3.4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 3.4.2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 3.3.3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty	3.4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 3.4.2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 3.3.3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty	Tương ứng với phần sửa tại điều lệ Công ty
3	Điều 13.3 Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT	13.3. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	13.3. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty phải đảm bảo quy định sau: 13.3.1. Có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên; 13.3.2. Có tối thiểu hai (02) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên; 13.3.3. Có tối thiểu ba (03) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên	Tương ứng với phần sửa tại Điều lệ Công ty

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
			Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	
4	Điều 16.1.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	16.1.3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa năm (05) công ty khác;	Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa năm (05) công ty khác chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác	Tương ứng với phần sửa tại Điều lệ Công ty
5	Điều 16.1.5 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	Không có	<i>16.1.5. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty mẹ</i>	Tương ứng với phần bổ sung tại Điều lệ Công ty
6	Điều 16.1.6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	Không có	<i>16.1.6. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật (nếu có)</i>	Tương ứng với phần bổ sung tại Điều lệ Công ty
7	Điều 16.2.6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	Không có	<i>16.2.6. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật (nếu có)</i>	Tương ứng với phần bổ sung tại Điều lệ Công ty
8	Điều 32.4	Không có	<i>32.4. Tổng Giám đốc không được là người có liên</i>	Tương tự như nội dung bổ sung tại

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
	Tiêu chuẩn và điều kiện là TGD		<i>quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</i>	Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC 3: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
1	Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. <i>Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định</i>	2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định <i>Nguyên tắc, nội dung và hình thức cung cấp thông tin được thực hiện theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.</i>	Điều chỉnh để thống nhất với các nội dung quy định tại Điều lệ Công ty. Ngoài ra việc cung cấp thông tin của Thành viên HĐQT của BSC hiện tại thực hiện theo Quy chế về chế độ thông tin báo cáo phục vụ hoạt động của HĐQT do HĐQT ban hành.
2	Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	4. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập	Bỏ nội dung này	Điều chỉnh để thống nhất với các quy định tại Điều lệ Công ty
3	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa năm (05) công ty khác ... e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể <i>chỉ được</i> đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc <i>Hội đồng thành viên</i> của tối đa năm (05) công ty khác e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty <i>quy định pháp luật (nếu có)</i>	Tương ứng với nội dung sửa đổi tại Điều lệ Công ty
4	Điều 6. Tiêu	2. Thành viên Hội đồng quản trị	2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy	Điều chỉnh để thống nhất với các quy

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
	chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: ... e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty	định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: ... e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty quy định pháp luật (nếu có)	định tại Điều lệ Công ty
5	Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây: ... đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty	5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây: ... đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty	Điều chỉnh để thống nhất theo quy định tại Điều lệ Công ty.
6	Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: ... c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: ... b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty (nếu có)	1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: ... c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty (nếu có). 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: ... b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty (nếu có)	Thống nhất với các quy định tại Điều lệ Công ty

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
		b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty		
7	Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị		<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p> <p><i>r) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (giám đốc), Người phụ trách quản trị Công ty và người quản lý khác của công ty;</i></p> <p><i>s) Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;</i></p>	Bổ sung tương tự như nội dung bổ sung tại Điều lệ Công ty và phù hợp theo quy định pháp luật.

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
8	Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	<p>1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.2 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan</p>	<p>1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.2 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>	Sửa đổi tương tự như nội dung sửa đổi tại Điều lệ Công ty và phù hợp theo quy định pháp luật

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
9	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: ... d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: ... d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định (nếu có)	Điều chỉnh để thống nhất với các quy định tại Điều lệ Công ty
10	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị	13. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	13. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Điều chỉnh để thống nhất với các quy định tại Điều lệ Công ty.
11	Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. <i>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên</i>	Sửa đổi tương ứng với nội dung sửa đổi tại Điều lệ Công ty và phù hợp với quy định pháp luật.

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
			<i>bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định pháp luật và Điều lệ này</i>	